

## CHUYÊN M C

## T V N CHÍNH SÁCH

## KINH NGHIỆM T XÃ HỘI GIÀ HÓA C A NH T B N QUA SÁCH C A TOMINAGA KENICHI

TERAMOTO MINORU

*D a vào quy n sách c a tác gi Tominaga Kenichi, bài vi t nh m gi i thi u kinh nghi m v xã h i già, t l sinh gi m c a Nh t B n. Tominaga là nhà xã h i h c n i ti ng Nh t B n. Quy n sách c gi i thi u ây có tên là Nhà n c phúc l i trong th i k xã h i thay i – th t b i c a gia ình và ch c n ng m i c a nhà n c (Nhà xu t b n Chuoukouron, 266 trang). Tominaga vi t quy n sách này vào n m 2001 và ã phân tích tình hình phúc l i dành cho ng i già Nh t B n khi áp d ng Lu t B o hi m ch m sóc.*

## M U

Ông Tominaga Kenichi, sinh n m 1931, là ti n s Xã h i h c t i Nh t B n. Quy n sách *Nhà n c phúc l i trong th i k xã h i thay i – th t b i c a gia ình và ch c n ng m i c a nhà n c xu t b n* n m 2001, bao g m 5 ch ng. Trong bài này, tôi l a ch n Ch ng 2: *Quan h gi a gia ình và xã h i*’ gi i thi u kinh nghi m Nh t B n liên quan t i s ra i c a xã h i già. Tr c khi b t u gi i thi u n i dung y, xin tóm t t ý ki n c a Tominaga nh sau.

Trong quá trình hi n i hóa, doanh nghi p hóa (công nghi p hóa), h th ng gia ình ch y u c a ng i Nh t B n ã thay i t gia ình truy n th ng (家父長制, patriarchy) sang gia ình h t nhân. V i trào l u này, t l sinh gi m i, s l ng thành viên gia ình gi m i, c c u dân s già hóa, và s l ng ph n i ra làm vi c t ng lên. Vì v y, kh n ng, ch c n ng ch m sóc thành viên gia ình y u th nh ng i già gi m i rõ r t. Tình hình này ã làm chính ph Nh t B n c n ph i m nhi m m t s vai trò, ch c n ng ch m sóc ng i già. ây là lý do t i sao Qu c h i Nh t B n ã thông qua Lu t B o hi m ch m sóc n m

Teramoto Minoru. Nghiên c u viên, Vi n Nghiên c u N n Kinh t châu Á (IDE - JETRO), Nh t B n.

1997. Tominaga g i tình hình này nh “th t b i c a gia ình”. B i vì, Nh t B n, tr c ây m ng l i c a gia ình, thân nhân ch m sóc các thành viên gia ình nh ng i già r t m nh, nh ng hi n nay m ng l i này không còn m nh n a. Sau ây là m t s n i dung c n quan tâm trong quy n sách này<sup>(1)</sup>.

### 1. LU T B O HI M CH M SÓC

Qu c h i Nh t B n ã thông qua Lu t B o hi m ch m sóc vào n m 1997. Lu t này có hi u l c t n m 2000. Toàn b qu c dân t 40 tu i tr lên có ngh a v n p phí cho qu b o hi m ch m sóc này. i t ng tham gia b o hi m ch m sóc này có 2 lo i: th nh t là ng i 65 tu i tr lên; th hai là ng i t 40 tu i n d i 65 tu i. Ng i 65 tu i tr lên c công nh n là “tình hình c n ch m sóc”,

“tình hình c n giúp” thì có th h ng c d ch v ch m sóc tr c ti p nh phái ng i n ch m sóc (helper) t i nhà riêng và d ch v “day service” ( c t i trung tâm ch m sóc t bu i sáng n bu i chi u), v.v. Ng i t 40 tu i n d i 65 tu i mà b m t trí nh , v.v. c ng h ng c ch (Tominaga, 2001, tr. 55-57).

### 2. T I SAO NH T B N C N PH I ÁP D NG CH B O HI M CH M SÓC

Tominaga a ra b n lý do t i sao Nh t B n ph i áp d ng b o hi m ch m sóc nh sau: th nh t là t l ng i già t ng lên; th hai là t l gia ình h t nhân, gia ình c thân t ng lên; th ba là t l lao ng n t ng lên; và th t là s thay i cách nh n th c c a ng i Nh t B n.

*T l ng i già t ng lên*

B ng 1 T su t sinh, tu i th và t l dân s 65 tu i tr lên

N m	T su t sinh chung (%)	T ng t su t sinh	Nam: tu i th bình quân	N : tu i th bình quân	T l dân s 65 tu i tr lên (%)	Dân s (n v: 1000 ng i)
1947	34,3	4,54	50,06	53,96	4,8	78.101
1975	17,1	1,91	71,73	76,89	7,9	111.940
1999	9,4	1,34	77, 10	83,99	16,7	126.686

Ghi chú: T su t sinh chung cho chúng ta bi t s tr em sinh ra trong 1.000 ng i. Và t ng t su t sinh t i b ng này cho chúng ta bi t m t ph n t 15-45 tu i bình quân có m y con.

Ngu n: Tominaga, 2001, tr. 245. S li u th ng kê dân s t i u tra dân s toàn qu c, v.v. và th ng kê v phong trào dân s c a B Y t và Phúc l i.

B ng 2. S thay i c a gia ình

N m	T l gia ình h t nhân (ch có hai v ch ng) (%)	T l gia ình h t nhân (cha, m và con cái ch a l p gia ình) (%)	T l gia ình h t nhân (hai v ch ng và con cái ã l p gia ình) (%)	T ng c ng (%)	T l gia ình có ba th h (%)	T l gia ình c thân (%)	T l gia ình khác (%)	T ng s i u tra (h )
1968	9,6	41,2	5,3	56,1	19,7	19,8	4,4	28.694
1985	14,6	41,9	4,6	61,1	15,2	18,4	5,3	37.226
1999	20,4	34,4	5,2	60,0	10,6	23,6	5,8	44.923

Ngu n: Tominaga, 2001, tr. 246. S li u th ng kê c a B Y t và Phúc l i.

B ng 1 cho chúng ta bi t tình hình dân s t i Nh t B n nh s gi m i t l sinh và già hóa. n m 1947, t su t sinh chung là 34,3%. Nh ng n m 1999, s này gi m xu ng còn 9,4%. T ng t su t sinh c ng ã gi m t 4,54 xu ng 1,34. Và t l dân s 65 tu i tr lên ã t ng t 4,8% lên 16,7% trong cùng th i k (Tominaga, 2001, tr. 58).

*T l gia ình h t nhân, gia ình c thân t ng lên*

B ng 2 cho chúng ta bi t tình hình gia ình Nh t B n. Trong th i k t n m 1968 n 1999, t l gia ình có ba th h gi m t 19,7% xu ng 10,6%. Trái l i, t l gia ình h t nhân ch có hai v ch ng ã t ng t 9,6% lên 20,4%. T l gia ình h t nhân (hai v ch ng và con cái ch a l p gia ình) gi m xu ng. i u này c lý gi i r ng sau khi con cái l n lên, chúng i làm a ph ng khác, l p gia ình riêng, nên gia ình ch còn l i hai v ch ng. ây là lý do t i sao t l gia ình h t nhân ch có hai v ch ng ã t ng lên áng k . Và gia ình ch có hai v ch ng này đ tr thành gia ình c thân (Tominaga, 2001, tr. 58-59).

B ng 3. S l ng và t l lao ng n

	S l ng lao ng n (10.000 ng i)	T ng s lao ng (10.000 ng i)	T l lao ng n (%)
1955	492	1.690	29,1
1970	1.096	3.306	33,2
1998	2.124	5.368	39,6

Ngu n: Tominaga, 2001, tr. 247. S li u th ng kê c a B N i v .

B ng 4. Ngu n thu nh p c a ng i 60 tu i tr lên (n m 1996) (%)

	Nh t B n	c	M	Hàn Qu c	Thái Lan
T l c a l ng h u công	84,0	84,4	83,0	4,3	9,5
T l c a s giúp c a con	15,4	2,9	3,0	70,8	75,4

Ngu n: Tominaga, 2001, tr. 60-61. S li u th ng kê t B N i v .

*T l lao ng n t ng lên*

B ng 3 cho chúng ta bi t s l ng lao ng n thay i nh th nào Nh t B n. S l ng này t ng lên g p 4,3 l n trong th i k t n m 1955 n n m 1998. Và t l lao ng n trong t ng s lao ng c ng t ng t 29,1% lên 39,6%. Theo th ng kê c a B Y t và Phúc l i Nh t B n n m 1996, ng i ch m sóc ch y u là v , v c a con trai c (con dâu) và con gái c . Ba ch th này chi m 74,7% trong t ng s ng i ch m sóc. Con s này cho chúng ta bi t vai trò, s óng góp c a ph n trong l nh v c này r t l n. ây là lý do t i sao khi t l ph n i làm vi c t ng lên, gia ình Nh t B n ã g p khó kh n (Tominaga, 2001, tr. 59-60).

*S thay i cách nh n th c c a ng i Nh t B n*

B ng 4 cho chúng ta bi t ngu n thu nh p c a ng i 60 tu i tr lên các n c. Nh t B n, t l l ng h u công chi m 84,0%. T l này gi ng nh t l c, M . Trái l i, Hàn Qu c, Thái Lan, s giúp c a con cái chi m h n 70%.

Những tỷ lệ này (Nhất B) chỉ 15,4%.  
 Tỷ lệ này cho chúng ta thấy vì chi phí  
 sinh xã hội phải bỏ nên ý thức của con  
 cái “phải chăm sóc bố mẹ già” đã giảm đi  
 trong những ngày (Nhất B) (Tominaga,  
 2001, tr. 60-61).

Như vậy, Tominaga đã đưa ra bản  
 nguyên nhân vì sao nên Nhất B đã  
 phải áp dụng chế độ bảo hiểm chăm sóc  
 từ năm 2000. Ông gọi tình hình này là  
 “Thất bại của gia đình”.

### 3. THẤT BẠI CỦA GIA ĐÌNH

Trước đây, Nhất B có một thị hiếu  
 “Thuyết xã hội học” rất phổ biến. “I-e (家)”  
 là hình thức gia đình, hình ảnh của Nhất  
 B. Ông gọi theo thuyết này cho rằng vì  
 Nhất B không mang lại lợi ích của gia đình, hình  
 ảnh rất mờ nhạt nên mang lại này sẽ  
 không bao giờ bùng nổ, thậm chí sẽ  
 tiến lên hiện đại hóa, doanh nghiệp hóa.  
 Ông, Tominaga cho rằng “Thuyết xã  
 hội học” này không đúng, nên chúng ta đã  
 thấy trên. Tominaga gọi tình hình này  
 là “Thất bại của gia đình”, ông sáng tạo  
 theo cách sử dụng thuật ngữ “Thất bại  
 của thị trường”, hay “Thất bại của chính  
 phủ” trong kinh tế học.

Vì các sự kiện thành viên gia đình giảm  
 đi, vì các yếu tố xã hội thay đổi theo hiện đại  
 hóa, doanh nghiệp hóa là nòng cốt của  
 “Thất bại của gia đình”.

Định hình của hiện đại hóa,  
 doanh nghiệp hóa, mô hình chuyển đổi của  
 gia đình đã thay đổi từ gia đình truyền  
 thống sang gia đình hiện đại. Ý thức về  
 các sự kiện thay đổi. Do vậy, Nhất  
 B, sự kiện thành viên gia đình có xu  
 hướng giảm đi. Vì sự kiện thành viên  
 gia đình giảm đi nên chức năng, vai trò

của gia đình cũng giảm đi. Đây là một lý  
 do rất rõ ràng chính phủ Nhất B nên phải  
 chú trọng chế độ bảo hiểm chăm sóc.  
 Tỷ lệ này có nghĩa là nhà nước phải  
 đảm nhận vai trò, chức năng mà trước đây  
 gia đình đã làm. Chúng ta có thể thấy  
 rằng chế độ phúc lợi nhà nước hiện  
 nay, nòng cốt là quan hệ giữa gia đình và  
 nhà nước (Tominaga, 2001, tr. 61-72).

### 4. CÁC LÝ THUYẾT LIÊN QUAN

Tominaga là người theo xã hội học, chứ  
 không phải là người theo “Nhất B học”.  
 Vì thế, Tominaga tiếp tục suy nghĩ thêm  
 nữa về các sự kiện trên dựa  
 vào các lý thuyết xã hội học. Tominaga  
 gọi là hai lý thuyết liên quan. Thứ nhất  
 là thuyết của Takata Yasuma (1883-  
 1972), thứ hai là thuyết của Talcott  
 Parsons (1902-1979). Đây, chúng ta  
 xem xét một chút về các lý thuyết này.

Thuyết của Takata là lý thuyết liên quan  
 tới tình hình sự kiện thành viên gia đình  
 giảm đi. Theo thuyết của Takata, trong  
 xã hội công nghiệp, có hai loại xã hội: xã  
 hội công nghiệp và xã hội phát sinh. Xã hội  
 công nghiệp là xã hội tự nhiên xảy ra như  
 nhà nước, xã hội khu vực, gia đình. Xã hội  
 phát sinh là xã hội mà công nghiệp cố  
 ý làm như doanh nghiệp, các quan  
 nhà nước, v.v... Dựa vào chi tiêu hàng  
 ngày, Takata nghiên cứu trong những xã hội  
 công nghiệp, công nghiệp (nhà nước) quy mô  
 dần dần lên. Trái lại, công nghiệp (gia đình)  
 quy mô dần dần nhỏ (Tominaga, 2001,  
 tr. 73-77).

Thuyết của Talcott Parsons là một lý  
 thuyết liên quan tới vai trò, chức năng  
 của gia đình. Parsons nghĩ như sau:  
 Định hình của hiện đại hóa,

doanh nghiệp hóa, hình thức phân công phát triển lên. Điều này làm ra những nghiệp phẩm nhân văn mới mà trước đây gia đình đã làm trong nhiều đời. Hình thức nghề nghiệp này thay thế hình thức hàng. Theo kết quả, gia đình mới mới sẽ có những nghề nghiệp mới này đã có, còn lịch sử nghề nghiệp đi xuống nhân cách (personality) mà thôi (Tominaga, 2001, tr. 77-80).

Vì vậy thì dưới các lý thuyết này cho chúng ta biết nhất định, cách suy nghĩ của Tominaga. Ông cho rằng kinh nghiệm của Nhật Bản có thể xảy ra những khác, chứ không phải chỉ Nhật Bản thôi.

### 5. CH TH NÀO M NHI M C VAI TRÒ, CH C N NG THAY TH GIA ÌNH?

Khi gia đình gặp khó khăn để giúp sóc nghiệp ưu thế mới thì cần sự hỗ trợ nào giúp, thay thế của gia đình? Gia đình có thu nhập cao có lợi tức nên có dịch vụ tận tâm vì sự thuận lợi nên sóc tốt nhất riêng trong thị trường. Nhưng, ngành thu nhập bình thường và thấp thì khó tiếp cận dịch vụ như thế. Như vậy, "thắt lưng" là cần thiết không phù hợp vì hoạt động theo lợi ích kinh tế. Còn tổ chức xã hội Nhật Bản như NPO là tổ chức của những người tự nguyện tham gia, nên cần có cơ sở vững vàng. Như vậy, theo Tominaga, nhà nước là cần thiết phù hợp nhất nhiệm vụ mới vai trò, chức năng mà trước đây gia đình đã làm (Tominaga, 2001, tr. 86).

### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Tôi viết bài này dựa vào tài liệu mà tôi đã phân phát tại seminar của Viện Xã hội học ngày 5/7/2013, và tại Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ ngày 23/5/2014.

<sup>(2)</sup> Tôi không nghiên cứu quy định sách có thể gì thích hợp nhất. Nhưng, quy định sách của Tominaga

### 6. K T LU N C A TOMINAGA

Quá trình hiện đại hóa, doanh nghiệp hóa đã làm cho xã hội Nhật Bản thay đổi. Hình thức gia đình chủ yếu của Nhật Bản thay thế gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại. Xã hội Nhật Bản, tình hình gia đình, cuộc sống xã hội, trong khi đó, sự hình thành viên gia đình mới nên cần sự chú ý, nghiên cứu gia đình để có thể sống yên ổn thì cần phải hiểu rõ. Trong tình hình đó, Nhà nước là cần phải phù hợp bù đắp vai trò, chức năng mà gia đình Nhật Bản trước đây từng có. Cần phúc lợi nhà nước hiện nay nền tảng là quan hệ gia đình và Nhà nước.

### 7. THÔNG TIN C A QUY N SÁCH NÀY

Theo quy định sách của Tominaga, tôi đã giới thiệu kinh nghiệm của Nhật Bản<sup>(2)</sup>. Tình hình như Nhật Bản cũng có thể xảy ra những khác<sup>(3)</sup>.

Vì thế nên hiện nay gia đình hiện đại cần phải biến, chiếm hơn 80% các gia đình (Nguyễn Chí, 2013, tr. 108). Nhưng cuộc sống trở nên già hóa thì sự nghiệp nào?

Hơn nữa, Việt Nam đang tiến bộ mạnh mẽ hiện đại hóa, công nghiệp hóa. Xã hội nào, nên có những sự qua như giai đoạn. Ngành trình độ trở thành người già. Cần phải chú ý cho trẻ em lại. Đó là thông tin của quy định sách này. □

này có giá trị khi suy nghĩ về tương lai của Việt Nam.

<sup>(3)</sup> Cá nhân tôi hy vọng rằng tình hình như Nhật Bản không xảy ra tại Việt Nam.

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Chí Kiên. 2013. *Hình thức hóa và vận hành thực tiễn công bố của gia đình Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Xã hội học. Số 4 (124).
2. Tominaga Kenichi. 2001. *Nhà nước phúc lợi trong thời kỳ xã hội thay đổi – thực tiễn của gia đình và chức năng của nhà nước*. Nhật Bản: Nxb. Chuokouron.